

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 389/2024/DS-PT

Ngày: 28-8-2024

V/v Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng, yêu cầu được sử dụng đất, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trả quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thuý

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Hoàng Thị Thúy Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng, yêu cầu được sử dụng đất, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ tài sản trả quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/52024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2024/QĐ-PT ngày 05/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thiên P, sinh năm 1956

Nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. Giấy ủy quyền ngày 03/12/2021.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1937

Nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Tại Quyết định số 03 ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc tuyên bố bà Lê Thị T mất năng lực hành vi dân sự.

Người đại diện cho bà T:

1. Ông Đặng Hữu T1, sinh năm 1966

2. Ông Đặng Phước H, sinh năm 1969

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Đặng Thị Bích L, sinh năm 1970

Nơi cư trú: 687/01/9 K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Đặng Thị Bích D, sinh năm 1978

Nơi cư trú: 687/01/9 K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Hữu S, sinh năm 1981

Địa chỉ: A K, phường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2024).

5. Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1980, nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T: Ông Trần Quang T2 – Luật sư Công ty TNHH Đ1 – Chi nhánh L1 – Đoàn Luật sư Thành phố H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện C

Địa chỉ: Số C, đường N, khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Hoài T3 – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

2. Bà Trần Thị Ngọc S1, sinh năm 1958

Nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Phan Thị M, sinh năm 1964, nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn, ông Trần Thiên P và những người đại diện cho bà T ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D, bà Đặng Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Thiên P và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Căn cứ Mạnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Chứng thư Thẩm định giá số 318/2023/TĐG LA BDS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần T4.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 279 ngày 24/12/1996, Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Thiên P đứng tên thửa đất 277, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT. Ngày 06/12/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C cập nhật là “Nhà nước thu hồi 73m², diện tích còn lại là 254m² có số hiệu thửa 277 theo quyết định số 12549/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C”.

Người đại diện cho ông Trần Thiên P xác định phần còn lại của thửa đất 277 là 87m² ông P là người đứng tên giấy chứng nhận, ông P làm nhà ở trên đất từ năm 1977, sửa nhà lại sau khi bị thu hồi đất mở đường năm 2000, diện tích nhà đang sử dụng là 51m²; nhưng các người đại diện cho bà Lê Thị T cho rằng ông P xây dựng nhà trên thửa đất 199 của bà T đứng tên, cùng ngăn cản không cho ông P thực hiện quyền của người sử dụng đất (quản lý, sử dụng, chuyển nhượng...theo quy định của pháp luật). Ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Lê Thị T do các người con đại diện chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật để ông P thực hiện quyền của người sử dụng theo pháp luật diện tích 87m² đất ONT, một phần thửa đất 277, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Diện tích 87m² tại vị trí B, diện tích là 79m², hiện trạng là đất gò trong đó 51m² diện tích nhà bán kiên cố của ông Trần Thiên P và vị trí D, diện tích là 08m², hiện trạng là đất ao, một phần thửa 277, đều thuộc tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Ông Trần Thiên P là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết để ông Trần Thiên P được tiếp tục sử dụng diện tích 09m² đất lúa, hiện trạng là đất gò trong đó có 07m² nhà bán kiên cố của ông Trần Thiên P. Diện tích 09m² tại vị trí A, một phần thửa đất 278 (mpt), tờ bản đồ số 3, người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Lê Thị T.

Diện tích, vị trí các phần đất trên theo Mạnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Ông Trần Thiên P yêu cầu được tiếp tục sử dụng nhà và đất diện tích 09m² thuộc thửa 278, không yêu cầu được trả giá trị tài sản, chi phí san lấp đất.

Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 278, loại đất lúa, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An đối với diện tích 09m², trong đó có 07m² nhà bán kiên cố của ông P.

Thửa 278 có diện tích 261m² đất chuyên trồng lúa nước. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T số vào sổ cấp giấy CN: CH 01444 ngày 06/10/2017.

Theo chứng thư thẩm định giá định, giá đất lúa thuộc thửa 278 vị trí A đoạn 50m đầu tiếp giáp mặt đường tỉnh 830 (đường nhựa rộng 32m) có giá là 6.098.000 đồng/01m²; đối với đất ONT thuộc thửa 277 tại vị trí B, D thuộc 50 m đầu tiếp giáp đường tỉnh 830 có giá là 14.210.000 đồng/01m². Nhà bán kiên cố trên đất là 79.857.000 đồng. Đại diện cho nguyên đơn đồng ý mảnh trích đo và giá theo chứng thư thẩm định giá.

Bị đơn: bà Lê Thị T là người mất năng lực hành vi dân sự,

Một trong 05 người con đại diện cho bà Lê Thị T do bà Đặng Thị Bích L trình bày: Bà L không đồng ý yêu cầu của ông Trần Thiên P do ông Đ đại diện yêu cầu bà Lê Thị T do 05 người con đại diện chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông Trần Thiên P thực hiện quyền của người sử dụng đất diện tích 87m² đất ONT.

Các người con của bà T cản trở không cho ông P sử dụng đất là vì diện tích 87m² đất ONT theo ông P khai thuộc thửa đất 277 là đất mà ông P lấn chiếm thửa đất 199 của bà Lê Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm nhà sử dụng. Bởi vì thửa đất 277 của ông Trần Thiên P được cấp giấy chứng nhận năm 1996 diện tích là 327m², loại đất ONT, nhưng qua 02 lần thu hồi đất để mở rộng đường 830, cụ thể năm 2000 diện tích thửa 277 bị thu hồi là 312,5m² được căn cứ vào Trích đo địa chính của Trung tâm K ngày 17/4/2000. Diện tích thu hồi lần thứ 2 năm 2017 là 73m² theo Trích lục bản trích đo địa chính của Trung tâm K ngày 02/8/2017. Như vậy diện tích thửa đất 277 mà ông P đứng tên không còn. Qua 02 lần thu hồi đất, diện tích đất bị thu hồi nhiều hơn diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023 là chưa chính xác vì Trích đo địa chính của Trung tâm K ngày 17/4/2000 thể hiện thửa đất 277 có chiều ngang là 12,5m, chiều dài là 25m nhưng trong trích đo chiều ngang đến 14,24m. Thửa đất ông P được cấp là đất công điền, ông P lấn vào thửa đất 199 của bà T sử dụng để xây nhà.

Bà Đặng Thị Bích L không đồng ý yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ đại diện cho ông Trần Thiên P yêu cầu ông P được tiếp tục sử dụng 09m² đất lúa là một phần thửa đất 278, trong đó có 07m² nhà bán kiên cố của ông P. Nhà của ông P xây dựng trên thửa đất 199 của bà T, cũng như thửa 278 đều do bà T đứng tên, thửa 278 cũng có nhà của bà T trên đất mà ông P yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất là không có căn cứ.

Bà L không đồng ý yêu cầu của ông P yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 278 đối với diện tích 09m² đất lúa. Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T số vào sổ cấp giấy CN: CH 01444 ngày 06/10/2017.

Đối với Mạnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023, bà L trình bày là mảnh trích đo đã thể hiện sai diện tích thửa đất 277, thửa đất 277 của ông P qua 02 lần thu hồi đất để mở đường ông P không còn đất thuộc thửa 277 mà vị trí đất trên đó có nhà của ông P phải thuộc thửa 199 của bà Lê Thị T đứng tên. Nhưng bà T là bên bị đơn nên không yêu cầu cơ quan chuyên môn đo đạc lại phần đất mà ông P đang tranh chấp, khi cơ quan chuyên môn đo thửa đất 277, một phần thửa 278, bà L không xác định ranh của thửa đất 199, bà L cho rằng thửa đất 199 của bà T đứng tên không liên quan đến phần đất ông P tranh chấp. Đối với chứng thư thẩm định giá, các người đại diện cho bà T không có ý kiến.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bà Đặng Thị Bích L đại diện cho bà Lê Thị T có làm đơn yêu cầu phản tố đối với ông Trần Thiên P là ông Trần Thiên P phải tháo dỡ 58m² nhà bán kiên cố có trên 02 thửa đất: thửa 277, diện tích là 87m² đất ONT, có 51m² nhà bán kiên cố, thửa 278, diện tích 09m² đất lúa, có 07m² nhà bán kiên cố của ông Trần Thiên P. Theo bà L, đất và nhà trên đất mà ông P đang sử dụng đều thuộc thửa 199 do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích đất bà L yêu cầu ông Trần Thiên P tháo dỡ nhà để trả là 96m².

Người đại diện cho bị đơn bà Lê Thị T là ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích D và bà Đặng Thị H1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Bích L nhưng có bổ sung như sau:

Bà Đặng Thị Bích D trình bày: Đất của ông P là đất ONT diện tích 327m² đã bị thu hồi hết, xung quanh còn lại là đất của bà T như thửa 278 ở phía trước giáp đường 830 và thửa 199 giáp đường đều là đất lúa nhưng ông P lấn đất để sử dụng, ông P phải trả đất cho bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã xử:

“[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiên P do ông Nguyễn Văn Đ đại diện yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng đất.

Buộc bà Lê Thị T do các người con đại diện tên Đặng Hữu T1, Đặng Phước H, Đặng Thị Bích L, Đặng Thị Bích D và Đặng Thị H1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng của ông Nguyễn Thiên P1 đối với diện

tích 87m², loại đất ONT, trên đất có 51m² nhà bán kiên cố, thuộc một phần thửa 277, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Vị trí, diện tích đất, nhà tại vị trí B, D theo Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Nhà bán kiên cố có kết cấu theo Chứng thư Thẩm định giá số 318/03/08/2023/TĐG LA BĐS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần T4. Giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 279 QSDĐ/0511-LA, Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Thiên P ngày 24/12/1996.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiên P do ông Nguyễn Văn Đ đại diện yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất lúa, thuộc một phần thửa đất 278, diện tích 09m² trên đó có 07m² nhà bán kiên cố ông Trần Thiên P xây dựng.

Vị trí, diện tích đất, nhà tại vị trí A theo Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Nhà bán kiên cố có kết cấu theo Chứng thư Thẩm định giá số 318/03/08/2023/TĐG LA BĐS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần T4

[3] Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thiên P do ông Nguyễn Văn Đ đại diện yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần thửa đất 278, đối với diện tích 09m², loại đất lúa, hiện trạng đất gò, thuộc tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 01444, Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Lê Thị T ngày 06/10/2017.

[4] Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị T do bà Đặng Thị Bích L đại diện yêu cầu ông Trần Thiên P tháo dỡ nhà bán kiên cố trả quyền sử dụng đất.

Buộc ông Trần Thiên P và bà Trần Thị Ngọc S1 có nghĩa vụ tháo dỡ 07m² nhà bán kiên cố trả 09m² đất lúa, một phần thửa đất số 278, thuộc tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An cho bà Lê Thị T do các người con là ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D và bà Đặng Thị H1 đại diện.

Phần đất trên có tứ cận như sau: Bắc giáp phần còn lại của thửa 278 dài 1,54m; Nam giáp đường tỉnh 830 dài 1,85m; Đông giáp phần còn lại của thửa 278 dài 0,29m, 3,92m và 0,89m; Tây giáp thửa 277 dài 0,20m, 3,9m, 0,89m.

Vị trí, diện tích phần đất trên tại vị trí A của Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Nhà bán kiên cố trên đất có kết cấu theo Chứng thư Thẩm định giá số 318/03/08/2023/TĐG LA BĐS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần T4.

[5] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T do bà Đặng Thị Bích L đại diện yêu cầu ông Trần Thiên P tháo dỡ 51m² nhà bán kiên cố, trả cho bà Lê Thị T 87m² đất ONT thuộc một phần thửa đất số 277 tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Phần đất tại vị trí B, D của Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Nhà bán kiên cố trên đất có kết cấu theo Chứng thư Thẩm định giá số 318/03/08/2023/TĐG LA BĐS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần T4.

Chi phí tố tụng:

Buộc bà Lê Thị T do ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D và bà Đặng Thị H1 đại diện trả cho ông Trần Thiên P 16.493.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các bên đương sự theo quy định của luật.

Ngày 04/4/2024, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D, bà Đặng Thị H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thiên P là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông P kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 278, tờ bản đồ số 03, diện tích 09m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An thuộc vị trí A của Mảnh Trích đo địa chính số 86-2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 278 của bà T đối với phần đất này. Căn cứ công văn của UBND xã L, xác định từ khi cấp giấy cho ông P đến nay không cập nhật biến động và xác định không ai tranh chấp, từ năm 1977, đất ông P có mở rộng đường nhưng không ảnh hưởng vị trí phía sau nhà nên không có cơ sở xác định ông P lấn đất của bà T. Vì ông P sử dụng ranh giới ổn định nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Đặng Thị Bích L trình bày: Mảnh trích đo địa chính số 86 mà Tòa án trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc là do bên phía ông P chỉ ranh, phía gia đình bà T không có ký ranh nên không chấp nhận Mảnh trích đo làm căn cứ giải quyết vụ án. Việc ông P sử dụng đất qua 02 lần bị thu hồi thì đã bị thu hồi đất nhiều hơn nhiều so với đất ông P được cấp giấy nên ông P không còn đất tại vị trí tranh chấp, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Bích D là ông Dương Hữu S trình bày: Ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D, bà Đặng Thị H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiên P về việc buộc bà Lê Thị T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng của ông Nguyễn Thiên P1 đối với diện tích 87m², loại đất ONT, trên đất có 51m² nhà bán kiên cố, thuộc một phần thửa 277, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T do bà Đặng Thị Bích L đại diện yêu cầu ông Trần Thiên P tháo dỡ 51m² nhà bán kiên cố, trả cho bà Lê Thị T 87m² đất ONT thuộc một phần thửa đất số 277, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Nhận thấy, công văn số 70 đã được thay thế bởi công văn số 163. Tại công văn số 70 của UBND xã L xác định đã phát sinh tranh chấp từ năm 2001 chứ không phải không tranh chấp như phía nguyên đơn trình bày.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Trong vụ án này không chỉ xác định diện tích thừa hay thiếu để làm căn cứ giải quyết vụ án, tuy nhiên, đất của ông P bị thu hồi hai lần được cơ quan chuyên môn xác nhận nhưng vì quá lâu nên không còn lưu giữ tài liệu chứng cứ, việc không cung cấp được tài liệu chứng cứ là do lỗi của cơ quan Nhà nước. Ông P trình bày thống nhất ranh giới nhưng không được phía bà T thừa nhận và bà T luôn xác định là phía ông P lấn đất của bà T, không hề có sự cắm mốc hay thống nhất ranh giới. Tại thời điểm cấp giấy cho bà T năm 2010 thì không phải chữ ký của ông P mà các chữ ký trong bản mô tả ranh giới, mốc giới tương tự nhau nên không xác định là ông P ký. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời khai của bà T, xác định bà T không cho ông P lấn chiếm đất ra sau từ rất lâu, việc ông P lấn chiếm đất là trái với quy định của pháp luật nên đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, thấy rằng: Phần đất tranh chấp có diện tích đo thực tế 87m² (khu B, D) thuộc một phần

thửa 277 do ông P quản lý, sử dụng; trên phần đất này có một phần nhà kiên cố của ông P có diện tích 51m² đang sử dụng thực tế. Trong quá trình sử dụng đất, các chủ sử dụng đất không có tranh chấp gì về ranh giới. Năm 1996 thửa đất 277 cấp cho ông P không có đo đạc thực tế nên diện tích cấp giấy sẽ không chính xác như thực tế các bên sử dụng đất. Ông P sử dụng đất từ năm 1978 đến năm 1996 được cấp giấy chứng nhận, làm nhà và sửa chữa nhà, sử dụng đất đối với thửa 277 thì cũng không có tranh chấp. Hơn nữa, phần đất tranh chấp được xác định thuộc một phần thửa 277, hiện trạng loại đất sử dụng là đất ONT trong khi đó đất của bị đơn tại thửa 278 có mục đích sử dụng đất là đất LUA. Phía bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông P đã bị thu hồi hết đất trên thực tế và phần đất 87m² mà ông P đang sử dụng là thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn. Do đó, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp 87m² (khu B, D) thuộc một phần thửa 277 là của ông P. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà T do các con đại diện phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của ông P là có căn cứ.

Đối với tranh chấp phần đất diện tích 9m² đất LUA thuộc một phần thửa đất số 278: Phần đất mà các bên tranh chấp diện tích 9m² đất LUA thuộc một phần thửa đất số 278 do bà T đứng tên chủ sử dụng đất. Việc ông P sửa chữa nhà, cất lán qua một phần thửa đất của bà T. Mặc dù, hiện nay ông P là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này trên thực tế, tuy nhiên mục đích sử dụng đất của 02 thửa đất 277 (ONT) và thửa 278 (LUA) là khác nhau, không đủ diện tích để tách thửa và cũng không thể hợp thửa vào thửa 277 do khác loại đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P tháo dỡ một phần nhà bán kiên cố có diện tích 7m² để trả lại 9m² cho bị đơn là phù hợp.

Từ những phân tích trên, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông P và đại diện của bị đơn bà T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thiên P và những người đại diện cho bà T ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D, bà Đặng Thị H1 thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc S1, bà Phan Thị M, UBND huyện C; ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị H1 vắng mặt nhưng việc vắng mặt này thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện cho bị đơn bà T, yêu cầu yêu cầu ông Trần Thiên P tháo dỡ 51m² nhà bán kiên cố, trả cho bà Lê Thị T 87m² đất ONT thuộc một phần thửa đất số 277, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An, thấy rằng:

[3.1] Phần đất tranh chấp có diện tích 87m², loại đất ONT, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An thuộc Khu B, Khu D của Mảnh trích đo địa chính số 86.

[3.2] Các bên đương sự không thống nhất ranh giữa thửa đất số 277 do ông P đứng tên và thửa đất số 199 bà T đứng tên. Ông P xác định ranh của thửa đất 277 cách vách nhà bán kiên cố của ông là 1,35m. Bên phía đại diện bị đơn cho phần đất tranh chấp có diện tích 87m², loại đất ONT là thuộc một phần thửa đất 199 của bà T. Nhận thấy, theo ranh bản đồ địa chính thì phần đất tranh chấp tại mục [3.1] nêu trên thuộc thửa đất số 277 do ông P đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ranh giới thửa đất số 277 ông P xác định trùng với ranh bản đồ địa chính thì phù hợp với thực tế sử dụng thửa đất 277 của ông P nên đại diện của bà T xác định toàn bộ phần đất tranh chấp nêu trên thuộc thửa đất số 199 của bà T là không đúng.

[3.3] Hiện trên phần đất tranh chấp tại mục [3.1], ông P có xây dựng căn nhà bán kiên cố có diện tích là 51m², ông P xác định ông làm nhà ở trên đất từ năm 1977 đến nay. Theo Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cũng xác nhận ông P sử dụng đất công điền từ năm 1978 để làm nhà ở khi mở rộng đường lần 1 vào năm 2000, ông P có sửa chữa nhà lại và quản lý sử dụng cho đến nay. Ngoài ra, Ủy ban còn xác định trong quá trình sử dụng đất ranh giới thửa đất 277 với các chủ sử dụng đất giáp ranh, không có phát sinh đơn tranh chấp gửi đến Ủy ban nhân dân xã L yêu cầu giải quyết theo quy định. Do đó, có cơ sở chứng minh ranh giới thửa đất 277 của ông P đứng tên với thửa đất 199 của bà T không có tranh chấp ranh giới từ khi ông P sử dụng vào năm 1978 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996.

[3.4] Đại diện bị đơn xác định diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 277 của ông P được cấp là 327m², đất của ông P đã bị thu hồi là 385m², do đất, đất của ông P đã bị thu hồi hết nên không còn đất trên thực tế. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, ông Trần Thiên P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/12/1996, diện tích thửa đất 277 là 327m² đất ONT, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 277 cho ông P, cơ quan có thẩm quyền không đo đạc thực tế diện tích thửa đất 277 (cấp một lần cho 622 hộ, cá nhân) nên không xác định được diện tích đất thực tế ông P sử dụng tại thời điểm cấp giấy. Theo văn bản số 4267 ngày 21/11/2023 của Ban quản lý đầu tư xây dựng phát triển quỹ đất huyện C: thửa đất 277, tờ bản đồ số 3, thu hồi diện tích 312,5m² để giải tỏa mặt bằng xây dựng công trình tỉnh lộ 19 do Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện vào năm 2000. Lần 2 vào năm 2017, thửa đất 277, tờ bản đồ số 3, thu hồi diện tích 73m² để thực hiện công trình đường T, Tuy nhiên, lần thu hồi 2 thì có cập nhật diện tích thu hồi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P nhưng lần thu hồi đầu vào năm 2000 thì không có cập nhật diện tích thu hồi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P. Ông P

xác định là ông P chỉ nhận đền bù một lần vào năm 2017, theo hồ sơ Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện C cung cấp cho Tòa án thì chỉ có phiếu nhận tiền của ông Trần Thiên P vào năm 2017. Hơn nữa, căn cứ vào Trích đo địa chính của Trung tâm K ngày 17/4/2000 và Trích lục bản trích đo địa chính của Trung tâm K ngày 02/8/2017 do bà Đặng Thị Bích L cung cấp bản pho to thì trích lục bản trích đo địa chính ngày 02/8/2017 thể hiện rõ ranh giới giải phóng mặt bằng thửa đất số 277 của ông Trần Thiên P đứng tên vẫn còn một phần giáp với thửa đất 199 của bà Lê Thị T đứng tên. Ngoài ra, bà Lê Thị T được Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 đối với thửa 278, tờ bản đồ số 3 diện tích 261m², đất chuyên trồng lúa nước. Trong sơ đồ thửa đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T thể hiện thửa đất số 278 của bà Lê Thị T giáp với thửa đất 277 của ông Trần Thiên P. Do đó, dù căn cứ để xác định sau khi bị thu hồi thì thửa đất số 277 vẫn còn lại diện tích 87m² nên lời trình bày của đại diện bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phần đất tranh chấp có diện tích 87m², đất ONT thuộc thửa đất 277, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Long An của ông Trần Thiên P nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiên P buộc người đại diện cho bà Lê Thị T là ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D và bà Đặng Thị H1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đối với diện tích 87m² loại đất ONT nêu trên là phù hợp nên yêu cầu kháng cáo của đại diện bị đơn bà T là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 278, tờ bản đồ số 03, diện tích 09m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An thuộc vị trí A của Mảnh Trích đo địa chính số 86-2023 và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 278 diện tích là 09m², thấy rằng: Ông P xác định phần đất tranh chấp này là của ông. Tuy nhiên, căn cứ vào ranh bản đồ địa chính thì phần đất tranh chấp có diện tích 9m², loại đất LUC thuộc thửa đất số 278, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An do bà Lê Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997. Phần đất tranh chấp do ông P sử dụng nhưng mục đích sử dụng 02 thửa đất 277 và 278 là khác nhau, thửa đất 277 là đất ONT, thửa đất 278 là đất trồng lúa, không đủ diện tích để tách thửa và cũng không hợp thửa được với thửa đất 277 của ông Trần Thiên P, mặc dù trên đó có một phần căn nhà của ông P diện tích 07m². Nhận thấy, khi ông P khi xây dựng nhà bán kiên cố đã xây lấn qua thửa đất 278 của bà T đứng tên 07m² trong tổng diện tích đất 09m² tại Khu A của Mảnh trích đo địa chính. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thiên P về việc được sử dụng 09m² đất lúa, thuộc thửa đất 278 và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp nên yêu cầu kháng cáo của ông P là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đại diện bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thiên P và những người đại diện cho bà T ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D, bà Đặng Thị H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/52024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 271, Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 174, Điều 175, Điều 176, Điều 189, Điều 197 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 5, khoản 2 Điều 6, Điều 12, Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiên P do ông Nguyễn Văn Đ đại diện yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng đất.

Buộc bà Lê Thị T do các người con đại diện tên Đặng Hữu T1, Đặng Phước H, Đặng Thị Bích L, Đặng Thị Bích D và Đặng Thị H1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng của ông Nguyễn Thiên P1 đối với diện tích 87m², loại đất ONT, trên đất có 51m² nhà bán kiên cố, thuộc một phần thửa 277, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Vị trí, diện tích đất, nhà tại vị trí B, D theo Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Nhà bán kiên cố có kết cấu theo Chứng thư Thẩm định giá số 318/03/08/2023/TĐG LA BĐS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần T4. Giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 279 QSDĐ/0511-LA, Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Thiên P ngày 24/12/1996.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiên P do ông Nguyễn Văn Đ đại diện yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất lúa, thuộc một phần thửa đất 278, diện tích 09m² trên đó có 07m² nhà bán kiên cố ông Trần Thiên P xây dựng.

Vị trí, diện tích đất, nhà tại vị trí A theo Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Nhà bán kiên cố có kết cấu theo Chứng thư Thẩm định giá số 318/03/08/2023/TĐG LA BĐS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn Hồng Đức

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thiên P do ông Nguyễn Văn Đ đại diện yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần thửa đất 278, đối với diện tích 09m², loại đất lúa, hiện trạng đất gò, thuộc tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 01444, Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Lê Thị T ngày 06/10/2017.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị T do bà Đặng Thị Bích L đại diện yêu cầu ông Trần Thiên P tháo dỡ nhà bán kiên cố trả quyền sử dụng đất.

Buộc ông Trần Thiên P và bà Trần Thị Ngọc S1 có nghĩa vụ tháo dỡ 07m² nhà bán kiên cố trả 09m² đất lúa, một phần thửa đất số 278, thuộc tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An cho bà Lê Thị T do các người con là ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D và bà Đặng Thị H1 đại diện.

Phần đất trên có tứ cận như sau: Bắc giáp phần còn lại của thửa 278 dài 1,54m; Nam giáp đường tỉnh 830 dài 1,85m; Đông giáp phần còn lại của thửa 278 dài 0,29m, 3,92m và 0,89m; Tây giáp thửa 277 dài 0,20m, 3,9m, 0,89m.

Vị trí, diện tích phần đất trên tại vị trí A của Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Nhà bán kiên cố trên đất có kết cấu theo Chứng thư Thẩm định giá số 318/03/08/2023/TĐG LA BĐS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần T4.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T do bà Đặng Thị Bích L đại diện yêu cầu ông Trần Thiên P tháo dỡ 51m² nhà bán kiên cố, trả cho bà Lê Thị T 87m² đất ONT thuộc một phần thửa đất số 277 tờ bản đồ số 3, đất tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Phần đất tại vị trí B, D của Mảnh trích đo địa chính số 86 ngày 17/7/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2 chi nhánh B được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 20/7/2023. Nhà bán kiên cố trên đất có kết cấu theo

Chứng thư Thẩm định giá số 318/03/08/2023/TĐG LA BĐS ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần T4.

6. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Lê Thị T do ông Đặng Hữu T1, ông Đặng Phước H, bà Đặng Thị Bích L, bà Đặng Thị Bích D và bà Đặng Thị H1 đại diện trả cho ông Trần Thiên P 16.493.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Thiên P, bị đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc S1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Bích L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012660 ngày 01/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

9. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy